

MS. CHI ENGLISH

Name: _____

Date: .../.../20...

Class: GOLD A2+

Tel: 038 255 2594

GOLD EXPERIENCE A2+: UNIT 1 - THERE'S NO PLACE LIKE HOME

VOCABULARY REVISION

A. VOCABULARY:

No.	New words	Meaning	No.	New words	Meaning
1	attractive (adj) /ə'træktrɪv/	hấp dẫn, cuốn hút	26	resident (n) /rɪzɪdənt/	người dân, cư dân
2	dull (adj) /dʌl/	ảm đạm, tẻ nhạt	27	art gallery (n) /'a:t gæləri/	phòng trưng bày nghệ thuật
3	industrial (adj) /ɪn'dʌstriəl/	(thuộc) công nghiệp	28	bike rack (n) /ræk/	giá đỗ xe đạp (nơi đỗ xe đạp)
4	lively (adj) /'laɪvli/	sống động	29	bus stop (n) /'bʌs stop/	điểm dừng xe buýt
5	modern (adj) /mɒdn/	hiện đại	30	crossing (n) /'krɒsɪŋ/	vạch kẻ đường, ngã tư
6	relaxed (adj) /rɪ'lækst/	thư giãn	31	department store (n) /dɪ'pa:tment stɔ:(r)/	cửa hàng bách hóa
7	traditional (adj) /trə'dɪʃənl/	(thuộc) truyền thống	32	pavement (n) /'peɪvmənt/	vỉa hè
8	apartment block (n) /ə'pa:tment blɒk/	dãy nhà, khối căn hộ	33	rubbish bin (n) /'rʌbɪʃ/	thùng rác
9	scheme (n) /ski:m/	sự phối hợp	34	varied (adj) /'veərid/	đa dạng
10	in spite of (pre) /spait/	mặc dù	35	wag (v) /wæg/	vẫy, lắc
11	by the sea/water /sɪ:/	gần biển/nước	36	open (adj) /əʊpən/	cởi mở
12	in an area/ a region called /'eəriə/ - /'ri:dʒən/	trong một khu vực/ một vùng được gọi là	37	be the best at sth /best/	giỏi nhất về

13	in the <u>capital</u> /'kæpɪtl/	ở thủ đô	38	concrete (n) /'kɒnkrɪ:t/	bê-tông
14	in the <u>North/South/ West/East</u> /nɔ:θ/ /sauθ/ /west/ /i:st/	ở hướng Bắc/Nam/ Tây/Đông	39	cycle path (n) /'saɪkl pa:θ/	lối đi dành cho xe đạp
15	near the <u>border</u> with /'bɔ:də(r)/	gần biên giới với	40	give up (phr.v) /gɪv/	từ bỏ
16	on the <u>coast</u> /kəʊst/	trên bờ biển	41	grow up (phr.v) /grəʊ/	lớn lên
17	at the <u>back</u> /bæk/	ở phía sau	42	made of <u>wood</u> /wʊd/	làm từ gỗ
18	at the <u>front</u> /frʌnt/	ở phía trước	43	meet up (phr.v) /mi:t/	gặp gỡ
19	community (n) /kə'mju:nəti/	cộng đồng	44	pass the time (idm) /pɑ:s/	giết thời gian
20	freeze (v) /fri:z/	đóng băng	45	on the <u>right</u> /raɪt/	phía bên phải
21	hang out (phr.v) /hæŋ/	đi chơi	46	on the <u>left</u> /left/	phía bên trái
22	pressure (n) /'preʃə(r)/	áp lực	47	pipeline (n) /'paɪplain/	đường ống
23	metal (n) /'metl/	kim loại	48	violence (n) /'vaɪələns/	bạo lực
24	cement (n) /sɪ'ment/	xi măng	49	to be <u>constructed</u> /kən'strʌktɪd/	được xây dựng
25	exceptionally (adv) /ɪk'sepʃənəli/	đặc biệt, khác biệt	50	skate park (n) /'skeɪt pa:k/	công viên trượt ván

*Note: *n* = noun: *Danh từ*; *adj* = adjective: *Tính từ*; *adv* = adverb: *Trạng từ*;

v = verb: *Động từ*; *prep* = preposition: *Giới từ*; *idm* = *Idiom*: *Thành ngữ*;

phr.v = *phrasal verb*: *Cụm động từ*

*Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.

B. HOMEWORK:

I. Choose the correct option.

0. That table is _____ of wood.

A. made B. given C. done

1. His latest film was just _____. I left after the first hour!

A. attractive B. dull C. industrial

2. The gallery has regular exhibitions of _____ art.

A. relaxed B. industrial C. modern

3. Schools must try to make science more _____ to *youngsters* (*những bạn trẻ*).

A. attractive B. dull C. modern

4. The fund provides money to clean up chemically polluted _____ sites.

A. traditional B. industrial C. modern

5. Their children have all _____ and left home now.

A. given up B. frozen C. grown up

II. Underline the correct answer.

0. *The cold weather has frozen / hung out the ground.*

1. Rose grew up in Paris, the **border** / **capital** of France.

2. We stayed in a small Bulgarian village that was near the **region** / **border** with Romania.

3. I'd love to live in a mansion by the **sea** / **south**.

4. My uncle lives in **an area** / **a coast** called The Gatineau Hills, Canada.

5. The Amish is a religious **concrete** / **community** that lives in the USA and Canada.

6. If there are people walking on the **bus stop** / **cycle path**, ring your bell to get their attention.

7. Why don't we **meet up** / **pass the time** for a coffee?

III. Match the words in the box with their definitions.

bus stop	rubbish bin	bike rack	art gallery
apartment block	department store	pavement	crossing

A	B
0. <u>bus stop</u>	<i>This is a place at the side of a road that is marked with a sign, where buses stop.</i>
1. _____	This is a flat part at the side of a road for people to walk on.
2. _____	This is an object in which you can put an empty packet.
3. _____	This is a place where you can see paintings.
4. _____	This is a place where you can choose things to buy.
5. _____	This is a row of frames where bicycles can be left.
6. _____	This is a place where people live.
7. _____	This is a place where you can safely cross a road, a river, etc.

IV. Match 1-6 with A-H to make sentences. You do not need two of the endings.

0. Stephen lives in

1. I'm quite good at the piano but I always feel under
2. I walked to school after waiting at the bus
3. There aren't many places where I can hang
4. In this photo, I'm standing on
5. You can't see me in the photo because I'm at

- A. pressure just before I take an exam.
- B. the left, next to Christine.
- C. the back of the group.
- D. the border into another country.
- E. out with my friends after school.
- F. the north of Norway.
- G. station isn't very near here.
- H. stop for thirty minutes in the rain.

Answers:

<u>0 - F</u>	1 -	2 -	3 -	4 -	5 -
--------------	-----	-----	-----	-----	-----

PART 1

Key for schools 1-A2 – T1 – P1

QUESTIONS 1–5

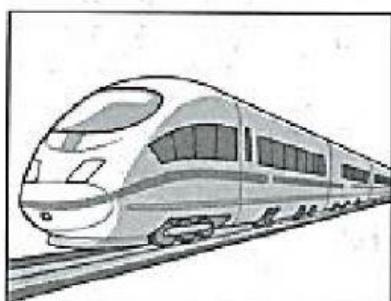
For each question, choose the correct answer.



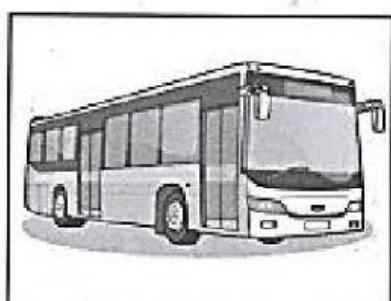
1 How did Stan and his dad get home from the concert?



A

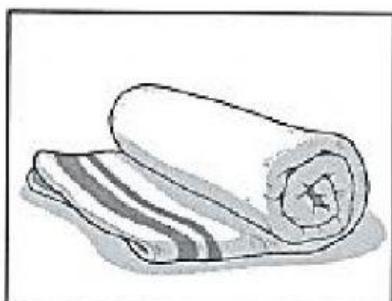


B

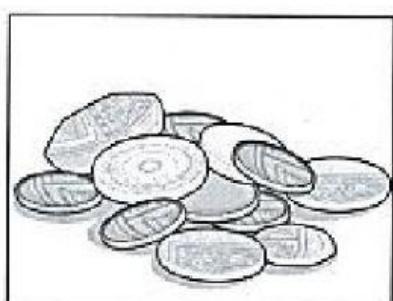


C

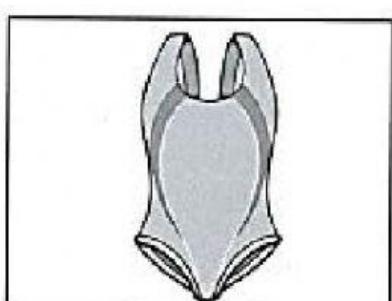
2 What's the girl forgotten?



A



B



C

3 What will the boy do first after he gets home from school?



A



B

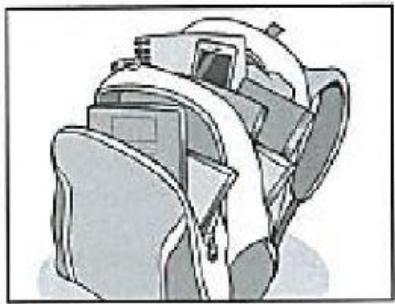


C

4 Where did the girl find her phone?



A

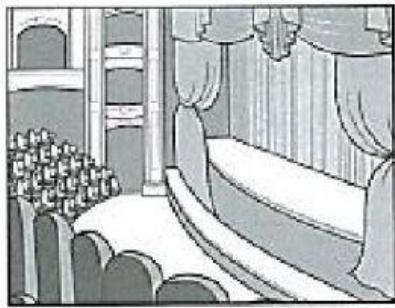


B

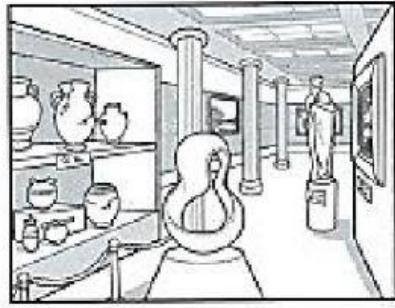


C

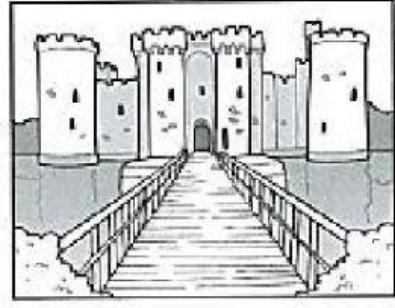
5 Where are the two friends going to go first today?



A



B



C